

Số: **399/2022/QĐST-HNGĐ**

*Biên Hòa, ngày 16 tháng 3 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **530/2022/TLST-HNGĐ** ngày 03 tháng 3 năm 2022, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:**

+ Ông **Bùi Quang T**, sinh năm 1977.

HKTT: M4/63, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

+ Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1977.

HKTT: M4/63, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Quang T và bà Nguyễn Thị G kết hôn với nhau năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đ, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Đến nay, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ngày càng trầm trọng tới mức khó có thể giải quyết. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông bà vẫn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 03 con chung tên Bùi Thanh N, sinh ngày 21/6/2007, Bùi Quang T1, sinh ngày 05/6/2009, và Bùi Hoàng P, sinh ngày 25/6/2014. Ông bà

thống nhất giao các cháu cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời bà G không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Quang T và bà Nguyễn Thị G thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao các cháu Bùi Thanh N, sinh ngày 21/6/2007, Bùi Quang T1, sinh ngày 05/6/2009, và Bùi Hoàng P, sinh ngày 25/6/2014 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm thời bà G không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà G được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông T và bà G phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001532 ngày 24/2/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

#### **THẨM PHÁN**

**Trương Thị Diệp**